

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019/DS-ST

Ngày 22/4/2019

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng

2. Ông Hồ Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoài Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn: bà Trầm Ngọc Minh Thư, Kiểm sát V.

Ngày 22/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 159/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-DS ngày 05/4/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N

Trụ sở chính: số 02, đường L, quận B, thành phố H.

Đại diện hợp pháp: anh Lê Hồng T, sinh năm 1971, chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N C nhánh huyện T1 (Văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành V Ngân hàng N và Giấy ủy quyền số 10/NHNo.HCNS ngày 13/10/2017 của Giám đốc Ngân hàng N C nhánh huyện T1). (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1964 (có mặt)

Cư trú: tổ 6, ấp H, xã C, huyện T1, tỉnh An Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Võ Thanh H1 (K), sinh năm 1962 (có mặt)

Cư trú: số 42, tổ 02, ấp P, xã T2, huyện T3, tỉnh An Giang.

3.2 Anh Võ Hồng V, sinh năm 1975 (có mặt)

Cư trú: tổ 8, ấp T4, xã C, huyện T1, tỉnh An Giang.

3.3 Chị Phạm Thị Kim C (Ngọc B2), sinh năm 1977 (có mặt)

Cư trú: tổ 8, ấp T4, xã C, huyện T1, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Đại diện hợp pháp của Ngân hàng N (gọi tắt là ngân hàng) trình bày: ngày 22/8/2013, Ngân hàng N với bà Nguyễn Thị B1 ký kết hợp đồng tín dụng số 22/08/2013/HĐTD, theo đó, ngân hàng cho bà Nguyễn Thị B1 vay 500.000.000 đồng để sản xuất lúa, sửa chữa máy cày và máy gặt đập liên hợp trong thời hạn 12 tháng với lãi suất 11,5%/năm. Việc trả nợ lãi và vốn vay theo phân kỳ quý, năm; hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 22/8/2015.

Để bảo đảm nghĩa vụ, bà Nguyễn Thị B1 thế chấp quyền sử dụng đất đối với phần đất nông nghiệp có diện tích 26.280 m² theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 25/08/2012/HĐTC ngày 20/8/2012.

Đến nay, bà Nguyễn Thị B1 chưa thực hiện việc trả tiền thỏa thuận; do vậy, ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị B1 phải trả 800.357.639 đồng (500.000.000 đồng tiền vốn vay và tiền lãi tính đến ngày 28/9/2017 là 300.357.639 đồng) và tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi kết thúc vụ kiện.

* Bị đơn, bà Nguyễn Thị B1 thừa nhận có vay của Ngân hàng N số tiền 500.000.000 đồng và đến nay chưa trả vốn lãi cho ngân hàng, thừa nhận có thế chấp quyền sử dụng đất đối với phần đất nông nghiệp có diện tích 26.280 m². Nay do hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị ngân hàng gia hạn thêm một khoảng thời gian để bán đất trả nợ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Võ Thanh H1 xác nhận có nhận có quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 60.000 m² đất nông nghiệp của bà B1 từ ngày 16/8/2012 và xác nhận đã cho vợ chồng anh Võ Hồng V và chị Phạm Thị Kim C thuê lại từ ngày 18/11/2016 cho đến nay. Ông không yêu cầu giải quyết việc có quyền sử dụng đất của bà B1 và cho vợ chồng anh V – chị C thuê lại.

* Người có quyền, nghĩa vụ liên quan, anh Võ Hồng V và chị Phạm Thị Kim C cùng xác nhận có thuê lại phần đất nông nghiệp mà ông H1 nhận có từ bà Nguyễn Thị B1 và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cho thuê quyền sử dụng đất giữa ông Võ Thanh H1 với vợ chồng anh chị.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Ngân hàng N yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị B1 phải trả 858.705.479 đồng (500.000.000 đồng tiền vốn vay và 358.705.479 đồng tiền lãi tính đến ngày 22/4/2019), tiếp tục tính lãi theo lãi suất nợ quá hạn cho

đến khi trả dứt nợ và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Chữ viết và chữ ký Nguyễn Thị C1 là do bà Nguyễn Thị B1 tự viết và ký tên.

Bà Nguyễn Thị B1 thừa nhận có vay của Ngân hàng N số tiền 500.000.000 đồng và đến ngày 22/4/2019 bà còn nợ số tiền như đại diện hợp pháp của Ngân hàng N trình bày nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị phía ngân hàng gia hạn thêm một thời gian và xóa phần tiền lãi; đồng thời bà xác nhận chữ viết, chữ ký trên hợp đồng tín dụng tên Nguyễn Thị C1 là do bà tự viết và ký tên.

Ông Võ Thanh H1 thừa nhận có nhận có 60.000m² đất nông nghiệp của bà B1 và hiện tại đã cho vợ chồng anh Võ Hồng V – chị Phạm Thị Kim C thuê lại. Nếu trường hợp phía ngân hàng phát mãi đất mà bà B1 thế chấp để thu hồi nợ thì yêu cầu bà B1 phải chịu trách nhiệm với ông đối với phần diện tích đất bị phát mãi; ông không yêu cầu giải quyết việc cho thuê lại quyền sử dụng đất giữa ông với vợ chồng anh V – chị C.

Anh Võ Hồng V và chị Phạm Thị Kim C xác nhận có thuê lại quyền sử dụng đất từ ông Võ Thanh H1 và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu về vụ án: từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án trễ so với quy định và vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N, buộc bà Nguyễn Thị B1 phải trả cho ngân hàng số tiền vốn vay 500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định từ ngày 24/02/2015; không chấp nhận yêu cầu xin gia hạn thời hạn trả nợ; không xem xét giải quyết yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp giữa ngân hàng với bà Nguyễn Thị B1; không xem xét yêu cầu của ông Võ Thanh H1 vì trong quá trình tố tụng trước khi xét xử, ông H1 không có yêu cầu độc lập; không xem xét việc cho thuê lại quyền sử dụng đất giữa ông Võ Thanh H1 với anh Võ Hồng V và chị Phạm Thị Kim C vì các đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Nguyễn Thị B1 là bị đơn có nơi cư trú tại xã C, huyện T1, tỉnh An Giang và tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự - hợp đồng vay tài sản, đây là loại tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Ngân hàng N và bà Nguyễn Thị B1 đều xác nhận chữ viết và chữ ký tên Nguyễn Thị C1 trên hợp đồng tín dụng 22/08/2013/HĐTD ngày 22/8/2013 là do bà Nguyễn Thị B1 viết và ký tên nên Hội

đồng xét xử quyết định không đưa bà Nguyễn Thị C1 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

[3] Về việc áp dụng pháp luật: hợp đồng tín dụng số 22/08/2013/HĐTD ngày 22/8/2013 được các bên ký kết trên cơ sở quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 nhưng do thỏa thuận của các bên đương sự được ghi trong hợp đồng phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung tranh chấp: đại diện hợp pháp của Ngân hàng N và bà Nguyễn Thị B1 đều thừa nhận có cùng giao kết hợp đồng tín dụng số 22/08/2013/HĐTD ngày 22/8/2013, xác nhận về số tiền vay, mục đích vay, thời hạn vay, lãi suất cho vay và đến ngày 24/02/2015, bà Nguyễn Thị B1 vi phạm nghĩa vụ nộp lãi nên Ngân hàng N đã tính lãi theo lãi suất nợ quá hạn đối với bà B1 kể từ ngày 24/02/2015 là phù hợp với thỏa thuận của các bên được thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng tín dụng.

Đại diện Ngân hàng N xác định đã hết thời hạn cho vay và yêu cầu bà Nguyễn Thị B1 phải trả 858.705.479 đồng (500.000.000 đồng tiền vốn vay và 358.705.479 đồng tiền lãi tính đến ngày 22/4/2019), khoản nợ này được bà B1 xác nhận nên Hội đồng xét xử quyết định buộc bà Nguyễn Thị B1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền 858.705.479 đồng (500.000.000 đồng tiền vốn vay và 358.705.479 đồng tiền lãi tính đến ngày 22/4/2019) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về yêu cầu tiếp tục tính lãi: đại diện ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi bà Nguyễn Thị B1 trả dứt nợ, Hội đồng xét xử xét thấy tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định nếu bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ còn phải chịu tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả; đối Cếu với quy định trên, yêu cầu tiếp tục tính lãi của ngân hàng là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về yêu cầu gia hạn thời hạn trả: do yêu cầu này của bà B1 không được đại diện hợp pháp của Ngân hàng N đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu gia hạn thời hạn trả nợ cho bà Nguyễn Thị B1.

[7] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ: Hội đồng xét xử xét thấy, đây là yêu cầu vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và đương sự có quyền khởi kiện để giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[8] Về yêu cầu của ông Võ Thanh H1 về việc bà Nguyễn Thị B1 phải chịu trách nhiệm đối với phần diện tích đất 26.280m² cổ cho ông nhưng lại thế chấp cho Ngân hàng N, Hội đồng xét xử xét thấy đây là yêu cầu mới do ông H1 đặt ra tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và đương sự có quyền khởi kiện để giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất giữa ông Võ Thanh H1 với anh Võ Hồng V và chị Phạm Thị Kim C: do các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N được chấp nhận nên ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và bà Nguyễn Thị B1, là bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng phần yêu cầu của ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 147, 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với bà Nguyễn Thị B1.

Buộc Nguyễn Thị B1 phải trả cho Ngân hàng N số tiền 858.705.479 đồng (500.000.000 đồng tiền vốn vay và tiền lãi tính đến ngày 22/4/2019 là 358.705.479 đồng) và lãi phát sinh tính từ ngày 22/4/2019 trên số nợ vốn vay theo lãi suất nợ quá hạn được ghi trong hợp đồng tín dụng số 22/08/2013/HĐTD ngày 22/8/2013 được ký kết giữa Ngân hàng N với bà Nguyễn Thị B1 cho đến khi trả dứt nợ.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị B1 phải nộp 37.761.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại Ngân hàng N 18.007.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018174 ngày 03/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại

Tp.Hồ Chí Minh;

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn;
- C cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn;
- Đường sự;
- Lưu.

Nguyễn Phước Hưng